TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 11-5-2020
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Liên.

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Thường.

Ông Nguyễn Văn Nghĩa.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thúy Trường là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định: Bà Nguyễn Phạm Tố Phong - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2019/TLPT-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 280/2019/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã A bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 05/2020/QĐ-PT ngày 10 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Q; nơi ĐKNKTT: Xóm T, thôn T2, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định; hiện cư trú tại: Tổ 10, khu vực H, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định (Có mặt).

- Bị đơn: Chị Võ Thị Thu B; cư trú tại: Xóm T, thôn T2, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định (Vắng mặt).

- Người kháng cáo: Anh Nguyễn Văn Q là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn-anh Nguyễn Văn Q trình bày:*

Anh và chị Võ Thị Thu B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, tổ chức lễ cưới năm 2010, đến ngày 05/11/2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã A. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống nhà cha mẹ chị B, được hơn 01 năm vợ chồng xây nhà ở riêng trên đất của cha mẹ chị B, cuộc sống chung vẫn hạnh phúc bình thường, cho đến cuối năm 2017 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do 02 con riêng của chị B trộm cắp, bị bắt ra công an xã, anh tức giận có đánh, mắng. Chị B và cha mẹ chị bênh vực hai cháu, nên chửi mắng anh, sau đó vài ngày, chị B quăng đồ đạc của anh ra ngoài và đuổi anh đi. Anh về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Anh không còn tình cảm với chị B, nên yêu cầu Tòa giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh yêu cầu được ly hôn chị B.

- Về quan hệ con chung: Anh và chị B có 01 con chung tên Võ Hồng T, sinh ngày 14/8/2011, bị down bẩm sinh, chị B đang trực tiếp nuôi dưỡng. Anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con, nếu chị B nuôi, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 300.000 đồng.

- Về quan hệ tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa giải quyết.

* Bị đơn chị Võ Thị Thu B: Tòa không lấy được lời khai.

Bản án dân sự sơ thẩm số 280/2019/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã A đã quyết định:

Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn Q xin ly hôn chị Võ Thị Thu B.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q kháng cáo xin được ly hôn chị Võ Thị Thu B.

Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng và đề nghị: Chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn Q yêu cầu được ly hôn chị Võ Thị Thu B, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Võ Thị Thu B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Q và chị Võ Thị Thu B tổ chức lễ cưới năm 2010, đến ngày 05/11/2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã A, nên là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, anh chị vẫn chung sống hạnh phúc bình thường, cho đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn. Theo anh Q, nguyên nhân do anh và chị B bất đồng trong việc anh đánh con riêng của chị B khi cháu hư hỏng, nên chị chửi, đuổi anh đi. Qua điều tra, xác minh tại địa phương nơi anh chị chung sống (Bút lục từ số 22 đến 25) được biết: Lâu nay vợ chồng anh Quá, chị B vẫn chung sống hạnh phúc bình thường; chị B cần cù, chịu khó, lo làm ăn. Khoảng cuối năm 2018, anh Q có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác cùng xóm và cùng người này bỏ đi nơi khác sinh sống, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Như vậy, tình trạng hôn nhân của anh chị chưa đến mức trầm trọng, mâu thuẫn vẫn có thể hàn gắn được. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Q là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV thì kháng cáo của anh Q không được chấp nhận, nên anh phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh đã nộp.

[4] Theo quy định tại khoản 2 Điều 282, 293 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phần quyết định còn lại của bản án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Tại phiên Tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn Q, sửa bản án sơ thẩm là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên không chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV. Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn Q xin ly hôn chị Võ Thị Thu B.

2. Phần quyết định còn lại của bản án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0004790 ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã A, anh Q đã nộp đủ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thị xã A;
- Chi cục THA dân sự thị xã A;
- Các bên đương sự;
- Lưu: HS, Tòa GĐ&NCTN.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thúy Liên